

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7- CÀ MAU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số:01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-07-2025

V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Liêu Tài Ngoánh

2/- Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Nay là Ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau).

2. Bị đơn: Chị Tiết Thị Bích T1, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 05 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T trình bày: Anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 xây dựng hôn nhân gia đình vào ngày 28/02/2025 (âm lịch), có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ ngày 23 tháng 04 năm 2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T và chị T1 đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, anh T không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị T1.

Nay, anh Nguyễn Quốc T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 là vợ chồng;

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T và chị T1 đã thống nhất thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 16 tháng 06 năm 2025 và trong quá trình xét xử, bị đơn là chị Tiết Thị Bích T1 trình bày: Chị Tiết Thị Bích T1 thống nhất theo trình bày của anh Nguyễn Quốc T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay trước yêu cầu của anh Nguyễn Quốc T thì chị T1 đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quốc T; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Chị T1 và anh T đã thống nhất thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T1 không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Quốc T đối với chị Tiết Thị Bích T1.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung với chị Tiết Thị Bích T1, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Tiết Thị Bích T1 có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 vắng mặt, tuy nhiên, anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 xây dựng hôn nhân gia đình vào ngày 28/02/2025 (âm lịch), có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, điều này được anh T, chị T1 thống nhất thừa nhận. Trong quá trình chung sống, anh T và chị T1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ ngày 23 tháng 04 năm 2025 đến nay, quá trình làm việc anh T và chị T1 không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, chị T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh T và chị T1 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, nên không công nhận anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị T1 thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc T xác định trong quá trình chung sống với chị Tiết Thị Bích T1, anh T và chị T1 có tạo lập tài sản chung gồm: 01 (một) chiếc lắc 05 chỉ vàng 24k, 01 (một) sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 01 (một) đôi bông tai 04 phân tám vàng 18k, 01 (một) chiếc nhẫn đính hôn 03 phân vàng 18k. Ngoài ra, không còn tài sản chung nào khác. Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 05 năm 2025, anh T có yêu cầu chị T1 trả lại tài sản

chung trên cho anh T. Tuy nhiên, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16 tháng 06 năm 2025, anh T xác định: Hiện nay, phần tài sản chung giữa anh T và chị T1 đã thống nhất thỏa thuận xong, anh T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa anh T và chị T1. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của anh T hoàn toàn là tự nguyện, nên căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Quốc T đối với chị Tiết Thị Bích T1.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Quốc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Quốc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006131 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu (*nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau*) được đối trừ, anh T được nhận lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nhận tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 xác định không có và không yêu cầu, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Quốc T đối với chị Tiết Thị Bích T1.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Tiết Thị Bích T1 xác định không có và không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: anh Nguyễn Quốc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Quốc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006131 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau) được đối trừ, anh T được nhận lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nhận tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7- Cà Mau;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên

